

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Thủy Khôi;

2, Ông Lương Ngọc Biên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:* Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (có mặt)

*** *Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn L, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:*** Chị và anh Nguyễn Văn L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng ngày 08/11/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Tr(thôn L), xã Y, huyện Yên Dũng.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhiều năm từ khi kết hôn đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hòa hợp được nên thường xuyên cãi nhau.

Ngoài ra còn do anh L ghen tuông nghi ngờ chị đi làm công ty có mối quan hệ bất chính nên về thường hay đánh chị. Tuy cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nhưng vì các con chị đã lớn nên chị cố gắng sống để các con có gia đình hoàn chỉnh. Đến tháng 3/2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nguyên nhân chỉ vì chị đi xăm lông mày về anh L nhốt chị trong nhà và đánh chị suốt hai ngày, chị phải đi bệnh viện điều trị một tuần. Sau đó anh L đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở tổ dân phố K, thị trấn Nhsống từ tháng 3/2017, tháng 12/2017 chị đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa Síp, đến tháng 6/2022 chị về Việt Nam và về thẳng nhà bố mẹ để chị sống cho đến nay. Khi đi lao động ở nước ngoài chị không nói gì cho anh L và gia đình anh L biết, chỉ nói cho các con, khi về chị cũng không báo gì cho gia đình chồng. Tuy nhiên trong thời gian làm ăn ở Cộng hòa Síp chị có liên lạc về cho anh L để hỏi thăm chồng con nhưng anh L toàn chửi chị, sau đó chị không liên lạc nữa. Khi chị quyết định làm đơn xin ly hôn gửi lên Tòa án chị cũng không nói gì cho anh L và gia đình chồng chị biết. Do đó gia đình hai bên không dàn xếp, động viên gì. Vợ chồng chị sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, không liên quan gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Lợi.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 14/4/2001, hiện nay hai con đã trưởng thành, cháu L đã có gia đình riêng. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung, tuy nhiên chị để lại hết cho con trai chị, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không nợ ai, không cho ai vay gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa chị L trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L, về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị không yêu cầu giải quyết.

- Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn L có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Lợi không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

* Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn L có sự chứng kiến của ông Ong Thế Th là trưởng thôn L, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, anh Lợi có trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, không đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại địa chỉ thôn L, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống anh và chị L không xảy ra mâu thuẫn gì, anh không hiểu vì sao chị L bỏ nhà đi đến nay là 7 đến 8 năm không về chung sống với bố con tôi. Từ đó giữa anh và chị L cắt đứt liên lạc, chị L chỉ liên lạc với các

con, chị L hiện sinh sống ở đâu như thế nào anh không biết. Chị L yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý vì anh cho rằng giữa anh và chị L không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 14/4/2001, hiện nay hai con đã trưởng thành, cháu L đã có gia đình riêng. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, vì anh không đồng ý ly hôn, anh không có ý kiến gì về tài sản chung.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị L không nợ ai, không cho ai vay gì.

Anh khẳng định anh và chị L lấy nhau từ năm 1997, anh không đăng ký kết hôn vì vậy anh không đến Tòa án làm việc hay ký các văn bản gì của Tòa án. Anh đề nghị Tòa án không mời anh đến Tòa án để làm việc

*** Tài liệu Tòa án thu thập được:**

+ Tại biên bản làm việc ngày 05/9/2022 bà Phạm Thị V là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị L trình bày như sau: Bà là mẹ đẻ của chị L, là mẹ vợ của anh L. Gia đình bà tổ chức lễ cưới cho chị L, anh L vào năm 1997, chị L, anh L tự nguyện đến với nhau, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Yên Dũng. Kết hôn xong chị L về sống tại thôn Tr(nay là thôn L), xã Y, huyện Yên Dũng. Vợ chồng chị L, anh L chung sống hòa thuận từ khi kết hôn được hai con, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà nghe chị L nói lại là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ghen tuông nên nhiều lần anh L đánh đập chị L, có lần đánh phải đi viện điều trị. Đến tháng 3/2017 chị L bỏ về nhà bà sống vì bị anh L đuổi ra khỏi nhà. Bà cũng động viên chị L cố gắng sống vì các con nhưng chị L nói cuộc sống quá khổ, không thể tiếp tục sống được với người chồng vũ phu như vậy. Đến tháng 12/2017 gia đình bà chạy tiền lo cho chị L đi xuất khẩu lao động ở CH Síp, đến tháng 6/2022 chị L về nước thì về thẳng nhà bà sống từ đó đến nay, không về sống cùng anh L. Khi chị L làm đơn xin ly hôn anh Lợi, có nói cho bà biết, đến lúc này bà không động viên gì nữa, mọi việc do chị L, anh L quyết định. Bà nghe chị L nói lại thời gian chị L ở nước ngoài có liên lạc về hỏi thăm chồng con nhưng anh L luôn chửi bới nên sau đó không gọi nữa, chị L, anh L sống ly thân nhiều năm nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị L xin ly hôn anh L, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị L, anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 14/4/2001, hiện nay hai cháu đã trưởng thành, cháu L đã có gia đình riêng.

+ Tại biên bản xác minh ngày 06/9/2022, ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của anh Nguyễn Văn L trình bày: Năm 1997, gia đình ông có tổ chức cưới cho anh L và chị L theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh L, chị L ở riêng trên đất của ông và ông xây ba gian nhà lợp ngói cho anh Lợi, chị L ở. Quá trình chung sống

anh L, chị L có phát sinh mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Đến năm 2017 chị L tự bỏ nhà đi, đi đâu gia đình ông không biết vì chị L không nói gì với gia đình ông. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh L, gia đình không có ý kiến gì. Chị L, anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 14/4/2001, hiện nay hai cháu đã trưởng thành, cháu L đã có gia đình riêng.

+ Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2022 ông Ong Thế Th tổ trưởng thôn L, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Chị L có chung sống với anh L từ năm 1997-1998 tại thôn L, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống chị L và anh L có mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không rõ, địa phương chỉ biết chị L đi lao động ở nước ngoài từ năm 2017 đến khi chị L về nước cũng không về chung sống cùng với anh L. Nay chị L yêu cầu Tòa án huyện Yên Dũng giải quyết ly hôn với anh L, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do.

- Ngày 21/9/2022, Tòa án đã hoãn phiên tòa vì bị đơn là anh Nguyễn Văn L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn L tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại gia đình và địa phương thì hiện tại anh Lợi đang sinh sống tại địa chỉ thôn L, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Anh L có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L không đến Tòa án làm việc vì anh L cho rằng anh L và chị L không đăng ký kết hôn. Như vậy xác định anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 08/11/1997 tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị L và anh L là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L cho rằng anh và chị L không đăng ký kết hôn là không có căn cứ.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hòa hợp được nên thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, còn do anh L ghen tuông nghi ngờ chị L đi làm Công ty có mối quan hệ bất chính nên về thường hay đánh chị L. Tháng 3/2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nguyên nhân do chị L đi xăm lông mày về anh L nhốt chị trong nhà và đánh chị suốt hai ngày, chị phải đi bệnh viện điều trị một tuần. Sau đó anh L đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố K, thị trấn Nh sống từ tháng 3/2017, tháng 12/2017 chị đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa Síp, đến tháng 6/2022 chị về Việt Nam và về thẳng nhà bố mẹ đẻ chị sống cho đến nay. Thời gian chị L ở nước ngoài không quan tâm liên lạc gì với anh L. Còn anh L cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không biết nguyên nhân vì sao chị L bỏ nhà đi và anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng giữa anh và chị L không đăng ký kết hôn. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh L không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định anh L không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/9/1999 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 14/4/2001, hiện nay hai cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Xử

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Lợi.

2.2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 0009647 ngày 09/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng,
- CCTHA dân sự huyện Yên Dũng,
- UBND xã Y, huyện Yên Dũng,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo